

**PHỤ LỤC 2 - DANH MỤC NGÀNH, TỔ HỢP, ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN PHƯƠNG THỨC 1 NĂM 2026**

| STT | Mã ngành | Tên ngành                                | Tổ hợp xét tuyển               | TH gốc | Môn điều kiện<br>(ĐTB 2 HK lớp<br>12 hoặc điểm thi<br>THPT) | Ngưỡng đầu vào 2026                                                                                                                                                                                                          |
|-----|----------|------------------------------------------|--------------------------------|--------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 7220201  | Ngôn ngữ Anh                             | Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh     | x      | Tiếng Anh $\geq 6.0$                                        | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                          | Ngữ văn*2, Vật lí, Tiếng Anh   |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                          | Ngữ văn*2, Hóa học, Tiếng Anh  |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                          | Ngữ văn*2, Sinh học, Tiếng Anh |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                          | Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh  |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                          | Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh   |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 2   | 7220204  | Ngôn ngữ Trung Quốc                      | Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh     | x      | Tiếng Anh hoặc<br>Tiếng Trung $\geq 5.5$                    | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                          | Ngữ văn*2, Tiếng Trung, Vật lí |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                          | Ngữ văn*2, Vật lí, Tiếng Anh   |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                          | Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Trung   |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                          | Ngữ văn*2, Hóa học, Tiếng Anh  |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                          | Ngữ văn*2, Sinh học, Tiếng Anh |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 3   | 7810101  | Du lịch (Chuyên ngành Quản lý du lịch)   | Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh     | x      | Ngữ văn $\geq 5.5$                                          | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                          | Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                          | Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh  |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                          | Ngữ văn*2, Toán, Địa lí        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                          | Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                          | Toán, Ngữ văn*2, Hóa học       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 4   | 7810101H | Du lịch (Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch) | Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh     | x      | Ngữ văn $\geq 5.5$                                          | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                          | Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                          | Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh  |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                          | Ngữ văn*2, Toán, Địa lí        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                          | Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                          | Toán, Ngữ văn*2, Hóa học       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 5   | 7310301  | Xã hội học                               | Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh     | x      | Ngữ văn $\geq 5.5$                                          | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                          | Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                          | Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh  |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                          | Ngữ văn*2, Toán, Địa lí        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                          | Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                          | Toán, Ngữ văn*2, Hóa học       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 6   | 7760101  | Công tác xã hội                          | Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh     | x      | Ngữ văn $\geq 5.5$                                          | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                          | Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                          | Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh  |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                          | Ngữ văn*2, Toán, Địa lí        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                          | Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                          |                                |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |

| STT | Mã ngành | Tên ngành                                                                              | Tổ hợp xét tuyển              | TH gốc | Môn điều kiện<br>(ĐTB 2 HK lớp<br>12 hoặc điểm thi<br>THPT) | Ngưỡng đầu vào 2026                                                                                                                                                                                                          |
|-----|----------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          |                                                                                        | Toán, Ngữ văn*2, Hóa học      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                        | Toán, Ngữ văn*2, Vật lý       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 7   | 7310206  | Quan hệ quốc tế                                                                        | Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh    | x      | Tiếng Anh $\geq 5.5$                                        | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                                                                        | Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lý    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                        | Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                        | Ngữ văn*2, Toán, Địa lý       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                        | Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                        | Toán, Ngữ văn*2, Hóa học      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                        | Toán, Ngữ văn*2, Vật lý       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 8   | 7310630  | Việt Nam học                                                                           | Tuyển thẳng người nước ngoài  |        |                                                             | Tuyển thẳng người nước ngoài                                                                                                                                                                                                 |
| 9   | 7340101  | Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị nhà hàng - khách sạn)                       | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh    | x      | Tiếng Anh $\geq 6.0$                                        | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                                                                        | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                        | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                        | Toán*2, Ngữ văn, Vật lý       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                        | Toán*2, Vật lý, Hóa học       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                        | Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 10  | 7340101C | Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị chuỗi cung ứng)                             | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh    | x      | Toán $\geq 6.0$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                                                                        | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                        | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                        | Toán*2, Ngữ văn, Vật lý       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                        | Toán*2, Vật lý, Hóa học       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                        | Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 11  | 7340404  | Quản trị nhân lực                                                                      | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh    | x      | Tiếng Anh $\geq 6.0$                                        | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                                                                        | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                        | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                        | Toán*2, Ngữ văn, Vật lý       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                        | Toán*2, Vật lý, Hóa học       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                        | Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 12  | 7340115  | Marketing                                                                              | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh    | x      | Tiếng Anh $\geq 6.0$                                        | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                                                                        | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                        | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                        | Toán*2, Ngữ văn, Vật lý       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                        | Toán*2, Vật lý, Hóa học       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                        | Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 13  | 7340120  | Kinh doanh quốc tế                                                                     | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh    | x      | Tiếng Anh $\geq 6.0$                                        | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                                                                        | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                        | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                        | Toán*2, Ngữ văn, Vật lý       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                        | Toán*2, Vật lý, Hóa học       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                        | Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 14  | 7340408  | Quan hệ lao động (Chuyên ngành Quản lý quan hệ lao động, Chuyên ngành Hành vi tổ chức) | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh    | x      | Toán $\geq 5.5$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt                                       |
|     |          |                                                                                        | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                        | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |

| STT | Mã ngành | Tên ngành                                              | Tổ hợp xét tuyển           | TH gốc | Môn điều kiện<br>(ĐTB 2 HK lớp<br>12 hoặc điểm thi<br>THPT) | Ngưỡng đầu vào 2026                                                                                                                                                                                                          |
|-----|----------|--------------------------------------------------------|----------------------------|--------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          |                                                        | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí    |        |                                                             | ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.                                                                                                                                                                                        |
|     |          |                                                        | Toán*2, Vật lí, Hóa học    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh  |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Lịch sử, Tiếng Anh |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 15  | 7340201  | Tài chính - Ngân hàng                                  | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh | x      | Toán $\geq 5.5$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                                        | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học   |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Vật lí, Hóa học    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh  |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Ngữ văn, Tin học   |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Vật lí, Tin học    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Hóa học, Tin học   |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Tiếng Anh, Tin học |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 16  | 7340201Q | Tài chính - Ngân hàng (Chuyên ngành Tài chính quốc tế) | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh | x      | Toán $\geq 5.5$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                                        | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học   |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Vật lí, Hóa học    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh  |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Ngữ văn, Tin học   |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Vật lí, Tin học    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Hóa học, Tin học   |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Tiếng Anh, Tin học |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 17  | 7340205  | Công nghệ tài chính                                    | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh | x      | Toán $\geq 5.5$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                                        | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học   |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Vật lí, Hóa học    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh  |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Ngữ văn, Tin học   |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Vật lí, Tin học    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Hóa học, Tin học   |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Tiếng Anh, Tin học |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 18  | 7340301  | Kế toán                                                | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh | x      | Toán $\geq 5.5$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                                        | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học   |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Vật lí, Hóa học    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh  |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Ngữ văn, Tin học   |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Vật lí, Tin học    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Hóa học, Tin học   |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                        | Toán*2, Tiếng Anh, Tin học |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |

| STT | Mã ngành | Tên ngành                                               | Tổ hợp xét tuyển                        | TH gốc | Môn điều kiện<br>(ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT) | Ngưỡng đầu vào 2026                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|----------|---------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          |                                                         | Toán*2, Tiếng Anh, Tin học              |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 19  | 7340302  | Kiểm toán (Chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích dữ liệu) | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh              | x      | Toán $\geq 5.5$                                       | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|     |          |                                                         | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh              |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |          |                                                         | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học                |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |          |                                                         | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí                 |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |          |                                                         | Toán*2, Vật lí, Hóa học                 |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |          |                                                         | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh               |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |          |                                                         | Toán*2, Ngữ văn, Tin học                |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |          |                                                         | Toán*2, Vật lí, Tin học                 |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |          |                                                         | Toán*2, Hóa học, Tin học                |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |          |                                                         | Toán*2, Tiếng Anh, Tin học              |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 20  | 7380101  | Luật                                                    | Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh              | x      | Ngữ văn $\geq 6.0$                                    | Đạt một trong các yêu cầu ngưỡng đầu vào sau:<br>(1) Đạt ngưỡng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định (Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) $\geq 20/30$ ) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định<br>Hoặc<br>(2) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 18/30$ ; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định<br>Hoặc<br>(3) Điểm xét TN THPT $\geq 8.5$ và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định |
|     |          |                                                         | Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí              |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |          |                                                         | Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh            |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |          |                                                         | Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh           |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |          |                                                         | Ngữ văn*2, Toán, Địa lí                 |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |          |                                                         | Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử                |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |          |                                                         | Toán, Ngữ văn*2, Hóa học                |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |          |                                                         | Toán, Ngữ văn*2, Vật lí                 |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 21  | 7720201  | Dược học                                                | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh              | x      | Hóa học $\geq 7.5$                                    | Đạt một trong các yêu cầu ngưỡng đầu vào sau:<br>(1) Đạt ngưỡng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định (Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) $\geq 20/30$ ) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định<br>Hoặc<br>(2) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 20/30$ ; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định<br>Hoặc<br>(3) Điểm xét TN THPT $\geq 8.5$ và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định |
|     |          |                                                         | Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học             |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |          |                                                         | Toán*2, Ngữ văn, Sinh học               |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |          |                                                         | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học                |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |          |                                                         | Toán*2, Sinh học, Hóa học               |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |          |                                                         | Toán*2, Vật lí, Hóa học                 |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |          |                                                         | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh               |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |          |                                                         | Toán*2, Sinh học, Vật lí                |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |          |                                                         | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí                 |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 22  | 7420204  | Khoa học y sinh                                         | Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học             | x      | Sinh học $\geq 5.0$                                   | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|     |          |                                                         | Toán*2, Ngữ văn, Sinh học               |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |          |                                                         | Toán*2, Sinh học, Công nghệ công nghiệp |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |          |                                                         | Toán*2, Sinh học, Hóa học               |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

| STT | Mã ngành | Tên ngành                             | Tổ hợp xét tuyển                        | TH gốc | Môn điều kiện<br>(ĐTB 2 HK lớp<br>12 hoặc điểm thi<br>THPT) | Ngưỡng đầu vào 2026                                                                                                                                                                                                          |
|-----|----------|---------------------------------------|-----------------------------------------|--------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          |                                       | Toán*2, Sinh học, Tin học               |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Sinh học, Vật lí                |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh               |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 23  | 7420201  | Công nghệ sinh học                    | Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học             | x      | Sinh học $\geq 5.0$                                         | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                       | Toán*2, Ngữ văn, Sinh học               |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Hóa học, Công nghệ công nghiệp  |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Sinh học, Công nghệ công nghiệp |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Sinh học, Công nghệ nông nghiệp |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Sinh học, Hóa học               |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Sinh học, Tin học               |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Vật lí, Hóa học                 |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Sinh học, Vật lí                |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh               |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh              |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học                |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh              |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí                 |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 24  | 7520301  | Kỹ thuật hóa học                      | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh              | x      | Hóa học $\geq 5.0$                                          | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                       | Toán*2, Hóa học, Công nghệ công nghiệp  |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Sinh học, Công nghệ công nghiệp |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Hóa học, Tin học                |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học                |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Sinh học, Hóa học               |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Vật lí, Hóa học                 |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh               |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Sinh học, Vật lí                |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học             |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Ngữ văn, Sinh học               |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh              |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí                 |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 25  | 7480101  | Khoa học máy tính                     | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh               | x      | Toán $\geq 5.5$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                       | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh              |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh              |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí                 |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Tiếng Anh, Tin học              |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Vật lí, Hóa học                 |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 26  | 7480102  | Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh               | x      | Toán $\geq 5.5$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                       | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh              |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh              |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí                 |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Tiếng Anh, Tin học              |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                       | Toán*2, Vật lí, Hóa học                 |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 27  | 7480103  | Kỹ thuật phần mềm                     | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh               | x      | Toán $\geq 5.5$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển                                                                                                                                                                     |

| STT | Mã ngành | Tên ngành                                                                         | Tổ hợp xét tuyển           | TH gốc | Môn điều kiện<br>(ĐTB 2 HK lớp<br>12 hoặc điểm thi<br>THPT) | Ngưỡng đầu vào 2026                                                                                                                                                                                                          |
|-----|----------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh |        |                                                             | PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.                                                          |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Tiếng Anh, Tin học |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Vật lí, Hóa học    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 28  | 7480104  | Hệ thống thông tin                                                                | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh  | x      | Toán $\geq 5.5$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Tiếng Anh, Tin học |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Vật lí, Hóa học    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 29  | 7520201  | Kỹ thuật điện                                                                     | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh  | x      | Toán $\geq 5.5$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Tiếng Anh, Tin học |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Vật lí, Hóa học    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Vật lí, Tin học    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 30  | 7520207  | Kỹ thuật điện tử - viễn thông                                                     | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh  | x      | Toán $\geq 5.5$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Tiếng Anh, Tin học |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Vật lí, Hóa học    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Vật lí, Tin học    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 31  | 7520207T | Kỹ thuật điện tử - viễn thông<br>(Chuyên ngành Kỹ thuật thiết kế vi mạch bán dẫn) | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh  | x      | Toán $\geq 6.0$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Vật lí, Hóa học    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Vật lí, Tin học    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 32  | 7520216  | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa                                                | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh  | x      | Toán $\geq 5.5$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Tiếng Anh, Tin học |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Vật lí, Hóa học    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Vật lí, Tin học    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 33  | 7520114  | Kỹ thuật cơ điện tử                                                               | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh  | x      | Toán $\geq 5.5$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Tiếng Anh, Tin học |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                                   | Toán*2, Vật lí, Hóa học    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |

| STT | Mã ngành | Tên ngành                               | Tổ hợp xét tuyển              | TH gốc | Môn điều kiện<br>(ĐTB 2 HK lớp<br>12 hoặc điểm thi<br>THPT) | Ngưỡng đầu vào 2026                                                                                                                                                                                                     |
|-----|----------|-----------------------------------------|-------------------------------|--------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          |                                         | Toán*2, Vật lí, Tin học       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
| 34  | 7580201  | Kỹ thuật xây dựng                       | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh     | x      | Toán ≥ 5.5                                                  | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) ≥ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                         | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                         | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                         | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                         | Toán*2, Vật lí, Hóa học       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                         | Toán*2, Vật lí, Tin học       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
| 35  | 7580205  | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh     | x      | Toán ≥ 5.0                                                  | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) ≥ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                         | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                         | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                         | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                         | Toán*2, Vật lí, Hóa học       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                         | Toán*2, Vật lí, Tin học       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
| 36  | 7580302  | Quản lý xây dựng                        | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh     | x      | Toán ≥ 5.0                                                  | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) ≥ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                         | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                         | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                         | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                         | Toán*2, Vật lí, Hóa học       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                         | Toán*2, Vật lí, Tin học       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
| 37  | 7580101  | Kiến trúc                               | Toán*2, Ngữ văn, Vẽ HHMT      | x      | Vẽ HHMT ≥ 6.0                                               | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) ≥ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.                                                               |
|     |          |                                         | Toán*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                         | Toán*2, Vật lí, Vẽ HHMT       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
| 38  | 7580104  | Kiến trúc đô thị                        | Toán*2, Ngữ văn, Vẽ HHMT      | x      | Vẽ HHMT ≥ 6.0                                               | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) ≥ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.                                                               |
|     |          |                                         | Toán*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                         | Toán*2, Vật lí, Vẽ HHMT       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
| 39  | 7580105  | Quy hoạch vùng và đô thị                | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh     | x      | Toán ≥ 5.0                                                  | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) ≥ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                         | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                         | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                         | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                         | Toán*2, Vật lí, Hóa học       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                         | Toán*2, Vật lí, Tin học       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                         | Toán*2, Ngữ văn, Vẽ HHMT      |        | Toán ≥ 5.0                                                  | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) ≥ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.                                                               |
|     |          |                                         | Toán*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                         | Toán*2, Vật lí, Vẽ HHMT       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
| 40  | 7580108  | Thiết kế nội thất                       | Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT | x      | Vẽ HHMT ≥ 6.0                                               | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) ≥ 15/30 (áp dụng cho thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.                                                               |
|     |          |                                         | Ngữ văn*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                         | Toán, Ngữ văn*2, Vẽ HHMT      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                         | Toán*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM       |        | Vẽ TTM ≥ 6.0                                                |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                         | Toán, Ngữ văn*2, Vẽ TTM       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                         | Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ TTM  |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
| 41  | 7210403  | Thiết kế đồ họa                         | Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT | x      | Vẽ HHMT ≥ 6.0                                               | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) ≥ 15/30 (áp dụng cho thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.                                                               |
|     |          |                                         | Ngữ văn*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                         | Toán, Ngữ văn*2, Vẽ HHMT      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |

| STT | Mã ngành | Tên ngành                                                                      | Tổ hợp xét tuyển              | TH gốc | Môn điều kiện<br>(ĐTB 2 HK lớp<br>12 hoặc điểm thi<br>THPT) | Ngưỡng đầu vào 2026                                                                                                                                                                                                                            |
|-----|----------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          |                                                                                | Toán*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |          |                                                                                | Toán, Ngữ văn*2, Vẽ TTM       |        | Vẽ TTM $\geq 6.0$                                           |                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |          |                                                                                | Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ TTM  |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
| 42  | 7210404  | Thiết kế thời trang                                                            | Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT | x      | Vẽ HHMT $\geq 6.0$                                          | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng cho thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.                                                                                 |
|     |          |                                                                                | Ngữ văn*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |          |                                                                                | Toán, Ngữ văn*2, Vẽ HHMT      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |          |                                                                                | Toán*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |          |                                                                                | Toán, Ngữ văn*2, Vẽ TTM       |        | Vẽ TTM $\geq 6.0$                                           |                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |          |                                                                                | Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ TTM  |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
| 43  | 7210408  | Nghệ thuật số (Chuyên ngành Thiết kế truyền thông số)                          | Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT | x      | Vẽ HHMT $\geq 6.0$                                          | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng cho thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.                                                                                 |
|     |          |                                                                                | Ngữ văn*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |          |                                                                                | Toán, Ngữ văn*2, Vẽ HHMT      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |          |                                                                                | Toán*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |          |                                                                                | Toán, Ngữ văn*2, Vẽ TTM       |        | Vẽ TTM $\geq 6.0$                                           |                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |          |                                                                                | Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ TTM  |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
| 44  | 7810301  | Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành Kinh doanh thể thao và tổ chức sự kiện) | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh    | x      | Toán $\geq 5.5$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.                   |
|     |          |                                                                                | Toán*2, Ngữ văn, Sinh học     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |          |                                                                                | Toán*2, Ngữ văn, Vật lý       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |          |                                                                                | Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học   |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |          |                                                                                | Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |          |                                                                                | Toán*2, Sinh học, NK TDDT     |        | Toán $\geq 5.5$                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |          |                                                                                | Ngữ văn*2, Tiếng Anh, NK TDDT |        |                                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.                                                                                 |
|     |          |                                                                                | Toán*2, Ngữ văn, NK TDDT      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
| 45  | 7810301G | Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành Golf)                                   | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh    | x      | Toán $\geq 5.5$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.                   |
|     |          |                                                                                | Toán*2, Ngữ văn, Sinh học     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |          |                                                                                | Toán*2, Ngữ văn, Vật lý       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |          |                                                                                | Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học   |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |          |                                                                                | Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |          |                                                                                | Toán*2, Sinh học, NK TDDT     |        | Toán $\geq 5.5$                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |          |                                                                                | Ngữ văn*2, Tiếng Anh, NK TDDT |        |                                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.                                                                                 |
|     |          |                                                                                | Toán*2, Ngữ văn, NK TDDT      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
| 46  | 7810301T | Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành Truyền thông và tiếp thị thể thao)      | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh    | x      | Toán $\geq 5.5$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.                   |
|     |          |                                                                                | Toán*2, Ngữ văn, Sinh học     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |          |                                                                                | Toán*2, Ngữ văn, Vật lý       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |          |                                                                                | Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học   |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |          |                                                                                | Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |          |                                                                                | Toán*2, Sinh học, NK TDDT     |        | Toán $\geq 5.5$                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |          |                                                                                | Ngữ văn*2, Tiếng Anh, NK TDDT |        |                                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.                                                                                 |
|     |          |                                                                                | Toán*2, Ngữ văn, NK TDDT      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
| 47  | 7850201  | Bảo hộ lao động                                                                | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học      | x      | Toán $\geq 5.0$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định (đạt tối thiểu 50% |
|     |          |                                                                                | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |          |                                                                                | Toán*2, Ngữ văn, Sinh học     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |          |                                                                                | Toán*2, Ngữ văn, Vật lý       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |          |                                                                                |                               |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |          |                                                                                |                               |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                |

| STT | Mã ngành | Tên ngành                                                            | Tổ hợp xét tuyển              | TH gốc | Môn điều kiện<br>(ĐTB 2 HK lớp<br>12 hoặc điểm thi<br>THPT) | Ngưỡng đầu vào 2026                                                                                                                                                                                                          |
|-----|----------|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          |                                                                      | Toán*2, Sinh học, Hóa học     |        |                                                             | thang điểm xét)                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học   |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Vật lí, Hóa học       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 48  | 7440301  | Khoa học môi trường                                                  | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học      | x      | Toán $\geq 5.0$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định  |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Ngữ văn, Sinh học     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Sinh học, Hóa học     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học   |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Vật lí, Hóa học       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 49  | 7520320  | Kỹ thuật môi trường (Chuyên ngành Môi trường và Phát triển bền vững) | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học      | x      | Toán $\geq 5.0$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định  |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Ngữ văn, Sinh học     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Sinh học, Hóa học     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học   |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Vật lí, Hóa học       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 50  | 7460112  | Toán ứng dụng                                                        | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh     | x      | Toán $\geq 5.5$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Tiếng Anh, Tin học    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Vật lí, Hóa học       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Vật lí, Tin học       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 51  | 7460201  | Thống kê                                                             | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh     | x      | Toán $\geq 5.5$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Tiếng Anh, Tin học    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Vật lí, Hóa học       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Vật lí, Tin học       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 52  | 7460108  | Khoa học dữ liệu                                                     | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh     | x      | Toán $\geq 5.5$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Tiếng Anh, Tin học    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Vật lí, Hóa học       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                                      | Toán*2, Vật lí, Tin học       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 53  | F7210403 | Thiết kế đồ họa - Chương trình tiên tiến                             | Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT | x      | Vẽ HHMT $\geq 6.0$                                          | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng cho thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt                                                                                                     |
|     |          |                                                                      | Ngữ văn*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM    |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |

| STT | Mã ngành | Tên ngành                                                                                        | Tổ hợp xét tuyển               | TH gốc | Môn điều kiện<br>(ĐTB 2 HK lớp<br>12 hoặc điểm thi<br>THPT) | Ngưỡng đầu vào 2026                                                                                                                                                                                                     |
|-----|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|--------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          |                                                                                                  | Toán, Ngữ văn*2, Vẽ HHMT       |        |                                                             | ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.                                                                                                                                                                                   |
|     |          |                                                                                                  | Toán*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                                                                                  | Toán, Ngữ văn*2, Vẽ TTM        |        | Vẽ TTM ≥ 6.0                                                |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                                                                                  | Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ TTM   |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
| 54  | F7220201 | Ngôn ngữ Anh - <i>Chương trình tiên tiến</i>                                                     | Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh     | x      | Tiếng Anh ≥ 6.0                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) ≥ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                                                                                  | Ngữ văn*2, Vật lí, Tiếng Anh   |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                                                                                  | Ngữ văn*2, Hóa học, Tiếng Anh  |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                                                                                  | Ngữ văn*2, Sinh học, Tiếng Anh |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                                                                                  | Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh  |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                                                                                  | Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh   |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
| 55  | F7220204 | Ngôn ngữ Trung Quốc - <i>Chương trình tiên tiến</i>                                              | Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh     | x      | Tiếng Anh hoặc<br>Tiếng Trung ≥ 5.5                         | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) ≥ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                                                                                  | Ngữ văn*2, Tiếng Trung, Vật lí |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                                                                                  | Ngữ văn*2, Vật lí, Tiếng Anh   |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                                                                                  | Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Trung   |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                                                                                  | Ngữ văn*2, Hóa học, Tiếng Anh  |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                                                                                  | Ngữ văn*2, Sinh học, Tiếng Anh |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                                                                                  | Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh  |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                                                                                  | Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh   |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
| 56  | F7310301 | Xã hội học - <i>Chương trình tiên tiến</i>                                                       | Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh     | x      | Ngữ văn ≥ 5.5                                               | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) ≥ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                                                                                  | Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                                                                                  | Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh  |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                                                                                  | Ngữ văn*2, Toán, Địa lí        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                                                                                  | Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                                                                                  | Toán, Ngữ văn*2, Hóa học       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                                                                                  | Toán, Ngữ văn*2, Vật lí        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
| 57  | F7340115 | Marketing - <i>Chương trình tiên tiến</i>                                                        | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh     | x      | Tiếng Anh ≥ 6.0                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) ≥ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                                                                                  | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                                                                                  | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                                                                                  | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                                                                                  | Toán*2, Vật lí, Hóa học        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                                                                                  | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
| 58  | F7340101 | Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị nhà hàng - khách sạn) - <i>Chương trình tiên tiến</i> | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh     | x      | Tiếng Anh ≥ 6.0                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) ≥ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                                                                                  | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                                                                                  | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                                                                                  | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                                                                                  | Toán*2, Vật lí, Hóa học        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                                                                                  | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
| 59  | F7340120 | Kinh doanh quốc tế - <i>Chương trình tiên tiến</i>                                               | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh     | x      | Tiếng Anh ≥ 6.0                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) ≥ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                                                                                  | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                                                                                  | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                                                                                  | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                                                                                  | Toán*2, Vật lí, Hóa học        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                                                                                  | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                         |

| STT | Mã ngành  | Tên ngành                                                                 | Tổ hợp xét tuyển              | TH gốc | Môn điều kiện<br>(ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT) | Ngưỡng đầu vào 2026                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|-----------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 60  | F7340201  | Tài chính - Ngân hàng - <i>Chương trình tiên tiến</i>                     | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh    | x      | Toán $\geq 5.5$                                       | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|     |           |                                                                           | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh    |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |           |                                                                           | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học      |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |           |                                                                           | Toán*2, Ngữ văn, Vật lý       |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |           |                                                                           | Toán*2, Vật lý, Hóa học       |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |           |                                                                           | Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh     |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |           |                                                                           | Toán*2, Ngữ văn, Tin học      |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |           |                                                                           | Toán*2, Vật lý, Tin học       |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |           |                                                                           | Toán*2, Hóa học, Tin học      |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |           |                                                                           | Toán*2, Tiếng Anh, Tin học    |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 61  | F7340301  | Kế toán - <i>Chương trình tiên tiến</i>                                   | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh    | x      | Toán $\geq 5.5$                                       | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|     |           |                                                                           | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh    |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |           |                                                                           | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học      |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |           |                                                                           | Toán*2, Ngữ văn, Vật lý       |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |           |                                                                           | Toán*2, Vật lý, Hóa học       |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |           |                                                                           | Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh     |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |           |                                                                           | Toán*2, Ngữ văn, Tin học      |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |           |                                                                           | Toán*2, Vật lý, Tin học       |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |           |                                                                           | Toán*2, Hóa học, Tin học      |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |           |                                                                           | Toán*2, Tiếng Anh, Tin học    |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 62  | F7380101  | Luật (Định hướng Luật kinh tế) - <i>Chương trình tiên tiến</i>            | Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh    | x      | Ngữ văn $\geq 6.0$                                    | Đạt một trong các yêu cầu ngưỡng đầu vào sau:<br>(1) Đạt ngưỡng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định (Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) $\geq 20/30$ ) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định<br>Hoặc<br>(2) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 18/30$ ; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định<br>Hoặc<br>(3) Điểm xét TN THPT $\geq 8.5$ và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định |
|     |           |                                                                           | Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lý    |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |           |                                                                           | Ngữ văn*2, Địa lý, Tiếng Anh  |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |           |                                                                           | Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |           |                                                                           | Ngữ văn*2, Toán, Địa lý       |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |           |                                                                           | Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử      |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |           |                                                                           | Toán, Ngữ văn*2, Hóa học      |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |           |                                                                           | Toán, Ngữ văn*2, Vật lý       |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 63  | F7380101T | Luật (Định hướng Luật thương mại quốc tế) - <i>Chương trình tiên tiến</i> | Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh    | x      | Ngữ văn $\geq 6.0$                                    | Đạt một trong các yêu cầu ngưỡng đầu vào sau:<br>(1) Đạt ngưỡng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định (Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) $\geq 20/30$ ) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định<br>Hoặc<br>(2) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 18/30$ ; và đạt                                                                                                                             |
|     |           |                                                                           | Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lý    |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |           |                                                                           | Ngữ văn*2, Địa lý, Tiếng Anh  |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |           |                                                                           | Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |           |                                                                           | Ngữ văn*2, Toán, Địa lý       |        |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

| STT | Mã ngành | Tên ngành                                                     | Tổ hợp xét tuyển                        | TH gốc | Môn điều kiện<br>(ĐTB 2 HK lớp<br>12 hoặc điểm thi<br>THPT) | Ngưỡng đầu vào 2026                                                                                                                                                                                                          |
|-----|----------|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          |                                                               | Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử                |        |                                                             | hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 18/30$ , và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định                                                                                                                           |
|     |          |                                                               | Toán, Ngữ văn*2, Hóa học                |        |                                                             | Hoặc                                                                                                                                                                                                                         |
|     |          |                                                               | Toán, Ngữ văn*2, Vật lí                 |        |                                                             | (3) Điểm xét TN THPT $\geq 8.5$ và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định                                                                                                                                                  |
| 64  | F7420201 | Công nghệ sinh học - <i>Chương trình tiên tiến</i>            | Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học             | x      | Sinh học $\geq 5.0$                                         | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                                               | Toán*2, Ngữ văn, Sinh học               |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                               | Toán*2, Hóa học, Công nghệ công nghiệp  |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                               | Toán*2, Sinh học, Công nghệ công nghiệp |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                               | Toán*2, Sinh học, Công nghệ nông nghiệp |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                               | Toán*2, Sinh học, Hóa học               |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                               | Toán*2, Sinh học, Tin học               |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                               | Toán*2, Vật lí, Hóa học                 |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                               | Toán*2, Sinh học, Vật lí                |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                               | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh               |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                               | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh              |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                               | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học                |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                               | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh              |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                               | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí                 |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 65  | F7480101 | Khoa học máy tính - <i>Chương trình tiên tiến</i>             | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh               | x      | Toán $\geq 5.0$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                                               | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh              |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                               | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh              |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                               | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí                 |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                               | Toán*2, Tiếng Anh, Tin học              |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                               | Toán*2, Vật lí, Hóa học                 |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 66  | F7480103 | Kỹ thuật phần mềm - <i>Chương trình tiên tiến</i>             | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh               | x      | Toán $\geq 5.0$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                                               | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh              |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                               | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh              |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                               | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí                 |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                               | Toán*2, Tiếng Anh, Tin học              |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                               | Toán*2, Vật lí, Hóa học                 |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 67  | F7520201 | Kỹ thuật điện - <i>Chương trình tiên tiến</i>                 | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh               | x      | Toán $\geq 5.0$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                                               | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh              |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                               | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh              |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                               | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí                 |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                               | Toán*2, Tiếng Anh, Tin học              |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                               | Toán*2, Vật lí, Hóa học                 |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                               | Toán*2, Vật lí, Tin học                 |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 68  | F7520207 | Kỹ thuật điện tử - viễn thông - <i>Chương trình tiên tiến</i> | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh               | x      | Toán $\geq 5.0$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |          |                                                               | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh              |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                               | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh              |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |          |                                                               | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí                 |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |

| STT | Mã ngành  | Tên ngành                                                             | Tổ hợp xét tuyển                                                | TH gốc | Môn điều kiện<br>(ĐTB 2 HK lớp<br>12 hoặc điểm thi<br>THPT)  | Ngưỡng đầu vào 2026                                                                                                                                                                                                          |
|-----|-----------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|--------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |           |                                                                       | Toán*2, Tiếng Anh, Tin học                                      |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                       | Toán*2, Vật lí, Hóa học                                         |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                       | Toán*2, Vật lí, Tin học                                         |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
| 69  | F7520216  | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa<br>- <i>Chương trình tiên tiến</i> | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh                                       | x      | Toán $\geq 5.0$                                              | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |           |                                                                       | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh                                      |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                       | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh                                      |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                       | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí                                         |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                       | Toán*2, Tiếng Anh, Tin học                                      |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                       | Toán*2, Vật lí, Hóa học                                         |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                       | Toán*2, Vật lí, Tin học                                         |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
| 70  | F7580201  | Kỹ thuật xây dựng - <i>Chương trình tiên tiến</i>                     | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh                                       | x      | Toán $\geq 5.0$                                              | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |           |                                                                       | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học                                        |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                       | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh                                      |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                       | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí                                         |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                       | Toán*2, Vật lí, Hóa học                                         |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                       | Toán*2, Vật lí, Tin học                                         |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
| 71  | F7520301  | Kỹ thuật hóa học - <i>Chương trình tiên tiến</i>                      | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh                                      | x      | Hóa học $\geq 5.0$                                           | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |           |                                                                       | Toán*2, Hóa học, Công nghệ công nghiệp                          |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                       | Toán*2, Sinh học, Công nghệ công nghiệp                         |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                       | Toán*2, Hóa học, Tin học                                        |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                       | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học                                        |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                       | Toán*2, Sinh học, Hóa học                                       |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                       | Toán*2, Vật lí, Hóa học                                         |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                       | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh                                       |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                       | Toán*2, Sinh học, Vật lí                                        |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                       | Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học                                     |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                       | Toán*2, Ngữ văn, Sinh học                                       |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                       | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh                                      |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                       | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí                                         |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
| 72  | F7580101  | Kiến trúc - <i>Chương trình tiên tiến</i>                             | Toán*2, Ngữ văn, Vẽ HHMT                                        | x      | Vẽ HHMT $\geq 6.0$                                           | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.                                                               |
|     |           |                                                                       | Toán*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT                                      |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                       | Toán*2, Vật lí, Vẽ HHMT                                         |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
| 73  | FA7220201 | Ngôn ngữ Anh - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>             | Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh                                      | x      | Tiếng Anh $\geq 5.5$<br>và IELTS $\geq 5.0$<br>(tương đương) | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |           |                                                                       | Ngữ văn*2, Vật lí, Tiếng Anh                                    |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                       | Ngữ văn*2, Hóa học, Tiếng Anh                                   |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                       | Ngữ văn*2, Sinh học, Tiếng Anh                                  |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                       | Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh                                   |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                       | Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh                                    |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                       | Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
| 74  | FA7340115 | Marketing - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>                | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh                                      | x      | Tiếng Anh $\geq 6.0$<br>và IELTS $\geq 5.0$                  | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |           |                                                                       | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh                                      |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |

| STT | Mã ngành  | Tên ngành                                                                                                      | Tổ hợp xét tuyển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | TH gốc | Môn điều kiện<br>(ĐTB 2 HK lớp<br>12 hoặc điểm thi<br>THPT)  | Ngưỡng đầu vào 2026                                                                                                                                                                                                          |
|-----|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |           |                                                                                                                | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học<br>Toán*2, Ngữ văn, Vật lí<br>Toán*2, Vật lí, Hóa học<br>Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh<br>Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |        | (tương đương)                                                | khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.                                                                                                                   |
| 75  | FA7340101 | Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn) - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i> | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Hóa học<br>Toán*2, Ngữ văn, Vật lí<br>Toán*2, Vật lí, Hóa học<br>Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh<br>Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài                                                                                                                                                                                                                                                                                   | x      | Tiếng Anh $\geq 6.0$<br>và IELTS $\geq 5.0$<br>(tương đương) | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
| 76  | FA7340120 | Kinh doanh quốc tế - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>                                                | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Hóa học<br>Toán*2, Ngữ văn, Vật lí<br>Toán*2, Vật lí, Hóa học<br>Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh<br>Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài                                                                                                                                                                                                                                                                                   | x      | Tiếng Anh $\geq 6.0$<br>và IELTS $\geq 5.0$<br>(tương đương) | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
| 77  | FA7420201 | Công nghệ sinh học - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>                                                | Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học<br>Toán*2, Ngữ văn, Sinh học<br>Toán*2, Hóa học, Công nghệ công nghiệp<br>Toán*2, Sinh học, Công nghệ công nghiệp<br>Toán*2, Sinh học, Công nghệ nông nghiệp<br>Toán*2, Sinh học, Hóa học<br>Toán*2, Sinh học, Tin học<br>Toán*2, Vật lí, Hóa học<br>Toán*2, Sinh học, Vật lí<br>Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Hóa học<br>Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Vật lí<br>Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài | x      | Sinh học $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$<br>(tương đương)     | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
| 78  | FA7480101 | Khoa học máy tính - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>                                                 | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Vật lí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | x      | Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$<br>(tương đương)         | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |

| STT | Mã ngành  | Tên ngành                                                                            | Tổ hợp xét tuyển                                                | TH gốc | Môn điều kiện<br>(ĐTB 2 HK lớp<br>12 hoặc điểm thi<br>THPT) | Ngưỡng đầu vào 2026                                                                                                                                                                                                          |
|-----|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|--------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |           |                                                                                      | Toán*2, Tiếng Anh, Tin học                                      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                      | Toán*2, Vật lí, Hóa học                                         |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                      | Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 79  | FA7480103 | Kỹ thuật phần mềm - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>                       | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh                                       | x      | Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)           | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |           |                                                                                      | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh                                      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                      | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh                                      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                      | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí                                         |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                      | Toán*2, Tiếng Anh, Tin học                                      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                      | Toán*2, Vật lí, Hóa học                                         |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                      | Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 80  | FA7520216 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>      | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh                                       | x      | Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)           | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |           |                                                                                      | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh                                      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                      | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh                                      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                      | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí                                         |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                      | Toán*2, Tiếng Anh, Tin học                                      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                      | Toán*2, Vật lí, Hóa học                                         |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                      | Toán*2, Vật lí, Tin học                                         |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                      | Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 81  | FA7580201 | Kỹ thuật xây dựng - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>                       | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh                                       | x      | Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)           | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |           |                                                                                      | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học                                        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                      | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh                                      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                      | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí                                         |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                      | Toán*2, Vật lí, Hóa học                                         |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                      | Toán*2, Vật lí, Tin học                                         |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                      | Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 82  | FA7340301 | Kế toán (Chuyên ngành: Kế toán quốc tế) - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i> | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh                                      | x      | Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)           | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |           |                                                                                      | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh                                      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                      | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học                                        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                      | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí                                         |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                      | Toán*2, Vật lí, Hóa học                                         |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                      | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh                                       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                      | Toán*2, Ngữ văn, Tin học                                        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                      | Toán*2, Vật lí, Tin học                                         |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                      | Toán*2, Hóa học, Tin học                                        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                      | Toán*2, Tiếng Anh, Tin học                                      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                      | Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 83  | FA7340201 | Tài chính ngân hàng - <i>Chương</i>                                                  | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh                                      | x      | Toán $\geq 5.0$ và                                          | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển                                                                                                                                                                     |

| STT | Mã ngành | Tên ngành                                                                                                            | Tổ hợp xét tuyển                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | TH gốc | Môn điều kiện<br>(ĐTB 2 HK lớp<br>12 hoặc điểm thi<br>THPT) | Ngưỡng đầu vào 2026                                                                                                                                                                                                          |
|-----|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          | <i>trình đại học bằng tiếng Anh</i>                                                                                  | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Hóa học<br>Toán*2, Ngữ văn, Vật lí<br>Toán*2, Vật lí, Hóa học<br>Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Tin học<br>Toán*2, Vật lí, Tin học<br>Toán*2, Hóa học, Tin học<br>Toán*2, Tiếng Anh, Tin học<br>Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài |        | IELTS $\geq 5.0$<br>(tương đương)                           | PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.                                                          |
| 84  | D7340115 | Marketing - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>                                                         | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Hóa học<br>Toán*2, Ngữ văn, Vật lí<br>Toán*2, Vật lí, Hóa học<br>Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh<br>Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài                                                                                    | x      | Tiếng Anh $\geq 6.0$                                        | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
| 85  | D7340101 | Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn) - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i> | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Hóa học<br>Toán*2, Ngữ văn, Vật lí<br>Toán*2, Vật lí, Hóa học<br>Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh<br>Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài                                                                                    | x      | Tiếng Anh $\geq 6.0$                                        | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
| 86  | D7340120 | Kinh doanh quốc tế - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>                                                | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Hóa học<br>Toán*2, Ngữ văn, Vật lí<br>Toán*2, Vật lí, Hóa học<br>Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh<br>Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài                                                                                    | x      | Tiếng Anh $\geq 6.0$                                        | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
| 87  | D7420201 | Công nghệ sinh học - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>                                                | Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học<br>Toán*2, Ngữ văn, Sinh học<br>Toán*2, Hóa học, Công nghệ công nghiệp<br>Toán*2, Sinh học, Công nghệ công nghiệp<br>Toán*2, Sinh học, Công nghệ nông nghiệp<br>Toán*2, Sinh học, Hóa học<br>Toán*2, Sinh học, Tin học                                                                            | x      | Sinh học $\geq 5.0$                                         | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |

| STT | Mã ngành | Tên ngành                                                                             | Tổ hợp xét tuyển                                                                                                                                                                                                                                                        | TH gốc | Môn điều kiện<br>(ĐTB 2 HK lớp<br>12 hoặc điểm thi<br>THPT) | Ngưỡng đầu vào 2026                                                                                                                                                                                                          |
|-----|----------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          |                                                                                       | Toán*2, Vật lí, Hóa học<br>Toán*2, Sinh học, Vật lí<br>Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Hóa học<br>Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Vật lí<br>Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài  |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 88  | D7480101 | Khoa học máy tính - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>                  | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Vật lí<br>Toán*2, Tiếng Anh, Tin học<br>Toán*2, Vật lí, Hóa học<br>Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài                            | x      | Toán $\geq$ 5.0                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
| 89  | D7480103 | Kỹ thuật phần mềm - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>                  | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Vật lí<br>Toán*2, Tiếng Anh, Tin học<br>Toán*2, Vật lí, Hóa học<br>Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài                            | x      | Toán $\geq$ 5.0                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
| 90  | D7520216 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i> | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Vật lí<br>Toán*2, Tiếng Anh, Tin học<br>Toán*2, Vật lí, Hóa học<br>Toán*2, Vật lí, Tin học<br>Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài | x      | Toán $\geq$ 5.0                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
| 91  | D7580201 | Kỹ thuật xây dựng - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>                  | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Hóa học<br>Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Vật lí<br>Toán*2, Vật lí, Hóa học<br>Toán*2, Vật lí, Tin học<br>Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài                                 | x      | Toán $\geq$ 5.0                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |

| STT | Mã ngành  | Tên ngành                                                                                                                    | Tổ hợp xét tuyển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | TH gốc | Môn điều kiện<br>(ĐTB 2 HK lớp<br>12 hoặc điểm thi<br>THPT)  | Ngưỡng đầu vào 2026                                                                                                                                                                                                          |
|-----|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 92  | D7340301  | Kế toán (Chuyên ngành: Kế toán quốc tế) - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>                                   | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Hóa học<br>Toán*2, Ngữ văn, Vật lí<br>Toán*2, Vật lí, Hóa học<br>Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Tin học<br>Toán*2, Vật lí, Tin học<br>Toán*2, Hóa học, Tin học<br>Toán*2, Tiếng Anh, Tin học<br>Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài | x      | Toán $\geq 5.0$                                              | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
| 93  | D7340201  | Tài chính ngân hàng - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>                                                       | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Hóa học<br>Toán*2, Ngữ văn, Vật lí<br>Toán*2, Vật lí, Hóa học<br>Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Tin học<br>Toán*2, Vật lí, Tin học<br>Toán*2, Hóa học, Tin học<br>Toán*2, Tiếng Anh, Tin học<br>Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài | x      | Toán $\geq 5.0$                                              | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
| 94  | K7340101  | Quản trị kinh doanh (song bằng 2+2) - <i>Chương trình liên kết Trường Đại học Kinh tế và Kinh doanh Praha (Cộng hòa Séc)</i> | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Hóa học<br>Toán*2, Ngữ văn, Vật lí<br>Toán*2, Vật lí, Hóa học<br>Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh<br>Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn                                                                                                   | x      | Tiếng Anh $\geq 5.0$<br>và IELTS $\geq 5.5$<br>(tương đương) | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
| 95  | K7340101N | Quản trị nhà hàng - khách sạn (song bằng 2,5+1,5) - <i>Chương trình liên kết Đại học Taylor's (Malaysia)</i>                 | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Hóa học<br>Toán*2, Ngữ văn, Vật lí<br>Toán*2, Vật lí, Hóa học<br>Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh<br>Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn                                                                                                   | x      | Tiếng Anh $\geq 5.0$<br>và IELTS $\geq 5.5$<br>(tương đương) | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |

| STT | Mã ngành  | Tên ngành                                                                                                                                                                 | Tổ hợp xét tuyển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | TH gốc | Môn điều kiện<br>(ĐTB 2 HK lớp<br>12 hoặc điểm thi<br>THPT) | Ngưỡng đầu vào 2026                                                                                                                                                                                                          |
|-----|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 96  | K7340201C | Tài chính và kiểm soát (song bằng 3+1, đơn bằng 2+2) - <i>Chương trình liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)</i>                                             | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Hóa học<br>Toán*2, Ngữ văn, Vật lý<br>Toán*2, Vật lý, Hóa học<br>Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Tin học<br>Toán*2, Vật lý, Tin học<br>Toán*2, Hóa học, Tin học<br>Toán*2, Tiếng Anh, Tin học<br>Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn | x      | Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)           | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
| 97  | K7340301C | Kế toán (song bằng 3+1) – <i>Chương trình liên kết Đại học West of England, Bristol (Vương quốc Anh); Chương trình liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)</i> | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Hóa học<br>Toán*2, Ngữ văn, Vật lý<br>Toán*2, Vật lý, Hóa học<br>Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Tin học<br>Toán*2, Vật lý, Tin học<br>Toán*2, Hóa học, Tin học<br>Toán*2, Tiếng Anh, Tin học<br>Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn | x      | Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)           | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
| 98  | K7520201  | Kỹ thuật điện – điện tử (song bằng 2+2) - <i>Chương trình liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)</i>                                                          | Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Vật lý<br>Toán*2, Tiếng Anh, Tin học<br>Toán*2, Vật lý, Hóa học<br>Toán*2, Vật lý, Tin học<br>Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn                                                                                     | x      | Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)           | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
| 99  | K7580201  | Kỹ thuật xây dựng (song bằng 2+2) - <i>Chương trình liên kết Đại học La Trobe (Úc)</i>                                                                                    | Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Hóa học<br>Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Vật lý<br>Toán*2, Vật lý, Hóa học<br>Toán*2, Vật lý, Tin học                                                                                                                                                                                                       | x      | Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)           | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |

| STT | Mã ngành  | Tên ngành                                                                                                                     | Tổ hợp xét tuyển                                                                                                                                                                                                                                               | TH gốc | Môn điều kiện<br>(ĐTB 2 HK lớp<br>12 hoặc điểm thi<br>THPT)  | Ngưỡng đầu vào 2026                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |           |                                                                                                                               | Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập<br>THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn                                                                                                                                                                              |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                                       |
| 100 | K7480101L | Công nghệ thông tin (song bằng<br>2+2) - <i>Chương trình liên kết Đại<br/>học La Trobe (Úc)</i>                               | Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Vật lý<br>Toán*2, Tiếng Anh, Tin học<br>Toán*2, Vật lý, Hóa học<br>Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập<br>THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn | x      | Toán $\geq 5.0$ và<br>IELTS $\geq 5.5$<br>(tương đương)      | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển<br>PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn<br>khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt<br>ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
| 101 | K7340120L | Kinh doanh quốc tế (song bằng 3<br>+1) - <i>Chương trình liên kết Đại<br/>học La Trobe (Úc)</i>                               | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Hóa học<br>Toán*2, Ngữ văn, Vật lý<br>Toán*2, Vật lý, Hóa học<br>Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh<br>Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập<br>THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn   | x      | Tiếng Anh $\geq 5.0$<br>và IELTS $\geq 5.5$<br>(tương đương) | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển<br>PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn<br>khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt<br>ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
| 102 | K7480101T | Khoa học máy tính (đơn bằng 2+2)<br>- <i>Chương trình liên kết Đại học<br/>Kỹ thuật Ostrava (CH Séc)</i>                      | Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh<br>Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Vật lý<br>Toán*2, Tiếng Anh, Tin học<br>Toán*2, Vật lý, Hóa học<br>Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập<br>THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn | x      | Toán $\geq 5.0$ và<br>IELTS $\geq 5.5$<br>(tương đương)      | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển<br>PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn<br>khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt<br>ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
| 103 | K7340101E | Quản trị kinh doanh toàn cầu (đơn<br>bằng 2+2) - <i>Chương trình liên kết<br/>Trường Kinh doanh Emlyon<br/>(Pháp)</i>         | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Hóa học<br>Toán*2, Ngữ văn, Vật lý<br>Toán*2, Vật lý, Hóa học<br>Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh<br>Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập<br>THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn   | x      | Tiếng Anh $\geq 5.0$<br>và IELTS $\geq 5.5$<br>(tương đương) | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển<br>PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn<br>khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt<br>ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
| 104 | K7340101D | Kinh doanh toàn cầu (đơn bằng<br>2,5+1,5) - <i>Chương trình liên kết<br/>Trường đại học Văn hóa Trung<br/>Quốc (Đài Loan)</i> | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Hóa học<br>Toán*2, Ngữ văn, Vật lý                                                                                                                                                | x      | Tiếng Anh $\geq 5.0$<br>và IELTS $\geq 5.5$<br>(tương đương) | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển<br>PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn<br>khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt<br>ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |

| STT | Mã ngành  | Tên ngành                                                                                                                                                                               | Tổ hợp xét tuyển                                                               | TH gốc | Môn điều kiện<br>(ĐTB 2 HK lớp<br>12 hoặc điểm thi<br>THPT)  | Ngưỡng đầu vào 2026                                                                                                                                                                                                          |
|-----|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |           |                                                                                                                                                                                         | Toán*2, Vật lí, Hóa học                                                        |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                         | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh                                                      |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                         | Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
| 105 | K7340101M | Kinh doanh (Tài chính, Kinh doanh quốc tế, Marketing, Kế toán, Quản trị nguồn nhân lực & Quan hệ lao động) (đơn bằng 2+1,5) - <i>Chương trình liên kết Đại học Massey (New Zealand)</i> | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh                                                     | x      | Tiếng Anh $\geq 5.0$<br>và IELTS $\geq 5.5$<br>(tương đương) | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |           |                                                                                                                                                                                         | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh                                                     |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                         | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học                                                       |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                         | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí                                                        |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                         | Toán*2, Vật lí, Hóa học                                                        |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                         | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh                                                      |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                         | Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
| 106 | K7220201  | Ngôn ngữ Anh (đơn bằng 3+1) - <i>Chương trình liên kết Đại học West of England, Bristol (Vương quốc Anh)</i>                                                                            | Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh                                                     | x      | Tiếng Anh $\geq 5.5$<br>và IELTS $\geq 5.5$<br>(tương đương) | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |           |                                                                                                                                                                                         | Ngữ văn*2, Vật lí, Tiếng Anh                                                   |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                         | Ngữ văn*2, Hóa học, Tiếng Anh                                                  |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                         | Ngữ văn*2, Sinh học, Tiếng Anh                                                 |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                         | Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh                                                  |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                         | Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh                                                   |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                         | Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
| 107 | K7220204  | Ngôn ngữ Trung Quốc (song bằng 2+2) - <i>Chương trình liên kết Đại học Sư phạm Thượng Hải (Trung Quốc)</i>                                                                              | Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh                                                     | x      | Tiếng Anh hoặc<br>Tiếng Trung $\geq 5.5$                     | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |           |                                                                                                                                                                                         | Ngữ văn*2, Tiếng Trung, Vật lí                                                 |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                         | Ngữ văn*2, Vật lí, Tiếng Anh                                                   |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                         | Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Trung                                                   |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                         | Ngữ văn*2, Hóa học, Tiếng Anh                                                  |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                         | Ngữ văn*2, Sinh học, Tiếng Anh                                                 |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                         | Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh                                                  |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                         | Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh                                                   |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                         | Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
| 108 | P7340101  | Quản trị kinh doanh (song bằng 2+2) - <i>Chương trình dự bị liên kết Trường Đại học Kinh tế và Kinh doanh Praha (Cộng hòa Séc)</i>                                                      | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh                                                     | x      | Tiếng Anh $\geq 5.0$                                         | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |           |                                                                                                                                                                                         | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh                                                     |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                         | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học                                                       |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                         | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí                                                        |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                         | Toán*2, Vật lí, Hóa học                                                        |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                         | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh                                                      |        |                                                              |                                                                                                                                                                                                                              |

| STT | Mã ngành  | Tên ngành                                                                                                                                                                             | Tổ hợp xét tuyển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | TH gốc | Môn điều kiện<br>(ĐTB 2 HK lớp<br>12 hoặc điểm thi<br>THPT) | Ngưỡng đầu vào 2026                                                                                                                                                                                                          |
|-----|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |           |                                                                                                                                                                                       | Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn                                                                                                                                                                                                                                                                                             |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 109 | P7340101N | Quản trị nhà hàng - khách sạn (song bằng 2,5+1,5) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học Taylor's (Malaysia)</i>                                                                    | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Hóa học<br>Toán*2, Ngữ văn, Vật lí<br>Toán*2, Vật lí, Hóa học<br>Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh<br>Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn                                                                                                                  | x      | Tiếng Anh $\geq 5.0$                                        | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
| 110 | P7340201C | Tài chính và kiểm soát (song bằng 3+1, đơn bằng 2+2) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)</i>                                                   | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Hóa học<br>Toán*2, Ngữ văn, Vật lí<br>Toán*2, Vật lí, Hóa học<br>Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Tin học<br>Toán*2, Vật lí, Tin học<br>Toán*2, Hóa học, Tin học<br>Toán*2, Tiếng Anh, Tin học<br>Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn | x      | Toán $\geq 5.0$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
| 111 | P7340301C | Kế toán (song bằng 3+1) – <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học West of England, Bristol (Vương quốc Anh); Chương trình dự bị liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)</i> | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Hóa học<br>Toán*2, Ngữ văn, Vật lí<br>Toán*2, Vật lí, Hóa học<br>Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Tin học<br>Toán*2, Vật lí, Tin học<br>Toán*2, Hóa học, Tin học<br>Toán*2, Tiếng Anh, Tin học<br>Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn | x      | Toán $\geq 5.0$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
| 112 | P7520201  | Kỹ thuật điện – điện tử (song bằng 2+2) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)</i>                                                                | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh<br>Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh<br>Toán*2, Ngữ văn, Vật lí                                                                                                                                                                                                                                                           | x      | Toán $\geq 5.0$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |

| STT | Mã ngành  | Tên ngành                                                                                               | Tổ hợp xét tuyển                                                               | TH gốc | Môn điều kiện<br>(ĐTB 2 HK lớp<br>12 hoặc điểm thi<br>THPT) | Ngưỡng đầu vào 2026                                                                                                                                                                                                          |
|-----|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |           |                                                                                                         | Toán*2, Tiếng Anh, Tin học                                                     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                         | Toán*2, Vật lí, Hóa học                                                        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                         | Toán*2, Vật lí, Tin học                                                        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                         | Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 113 | P7580201  | Kỹ thuật xây dựng (song bằng 2+2) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học La Trobe (Úc)</i>            | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh                                                      | x      | Toán $\geq 5.0$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |           |                                                                                                         | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học                                                       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                         | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh                                                     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                         | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí                                                        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                         | Toán*2, Vật lí, Hóa học                                                        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                         | Toán*2, Vật lí, Tin học                                                        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                         | Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 114 | P7480101L | Công nghệ thông tin (song bằng 2+2) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học La Trobe (Úc)</i>          | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh                                                      | x      | Toán $\geq 5.0$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |           |                                                                                                         | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh                                                     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                         | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh                                                     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                         | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí                                                        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                         | Toán*2, Tiếng Anh, Tin học                                                     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                         | Toán*2, Vật lí, Hóa học                                                        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                         | Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 115 | P7340120L | Kinh doanh quốc tế (song bằng 3 +1) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học La Trobe (Úc)</i>          | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh                                                     | x      | Tiếng Anh $\geq 5.0$                                        | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |           |                                                                                                         | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh                                                     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                         | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học                                                       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                         | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí                                                        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                         | Toán*2, Vật lí, Hóa học                                                        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                         | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh                                                      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                         | Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 116 | P7480101T | Khoa học máy tính (đơn bằng 2+2) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học Kỹ thuật Ostrava (CH Séc)</i> | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh                                                      | x      | Toán $\geq 5.0$                                             | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |           |                                                                                                         | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh                                                     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                         | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh                                                     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                         | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí                                                        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                         | Toán*2, Tiếng Anh, Tin học                                                     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                         | Toán*2, Vật lí, Hóa học                                                        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                         | Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |

| STT | Mã ngành  | Tên ngành                                                                                                                                                                                     | Tổ hợp xét tuyển                                                               | TH gốc | Môn điều kiện<br>(ĐTB 2 HK lớp<br>12 hoặc điểm thi<br>THPT) | Ngưỡng đầu vào 2026                                                                                                                                                                                                          |
|-----|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 117 | P7340101E | Quản trị kinh doanh toàn cầu (đơn bằng 2+2) - <i>Chương trình dự bị liên kết Trường Kinh doanh Emlyon (Pháp)</i>                                                                              | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh                                                     | x      | Tiếng Anh $\geq 5.0$                                        | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |           |                                                                                                                                                                                               | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh                                                     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                               | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học                                                       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                               | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí                                                        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                               | Toán*2, Vật lí, Hóa học                                                        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                               | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh                                                      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                               | Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 118 | P7340101M | Kinh doanh (Tài chính, Kinh doanh quốc tế, Marketing, Kế toán, Quản trị nguồn nhân lực & Quan hệ lao động) (đơn bằng 2+1,5) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học Massey (New Zealand)</i> | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh                                                     | x      | Tiếng Anh $\geq 5.0$                                        | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |           |                                                                                                                                                                                               | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh                                                     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                               | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học                                                       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                               | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí                                                        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                               | Toán*2, Vật lí, Hóa học                                                        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                               | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh                                                      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                               | Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
| 119 | P7340101D | Kinh doanh toàn cầu (đơn bằng 2,5+1,5) - <i>Chương trình dự bị liên kết Trường đại học Văn hóa Trung Quốc (Đài Loan)</i>                                                                      | Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh                                                     | x      | Tiếng Anh $\geq 5.0$                                        | Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. |
|     |           |                                                                                                                                                                                               | Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh                                                     |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                               | Toán*2, Ngữ văn, Hóa học                                                       |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                               | Toán*2, Ngữ văn, Vật lí                                                        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                               | Toán*2, Vật lí, Hóa học                                                        |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                               | Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh                                                      |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |
|     |           |                                                                                                                                                                                               | Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn |        |                                                             |                                                                                                                                                                                                                              |